

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO 10 TRÀ VINH NĂM HỌC 2023 – 2024

Phần I: Đọc hiểu

Đề 1:

Câu 1:

+ Phương thức biểu đạt chính là: Nghị luận.

+ Dấu hiệu nhận biết: Trình bày về một vấn đề xã hội “Chúng ta đang ngày càng ít nói với nhau hơn”. Câu đầu tiên là câu chủ đề, các câu sau phân tích để làm rõ luận điểm đầu tiên.

Câu 2:

+ Phép liên kết: Phép lặp “Có phải chúng ta...Chúng ta gặp nhau...chúng ta đọc blog...”

Câu 3:

Tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp đừng lạm dụng quá vào công nghệ. Chúng ta có ngôn ngữ để giao tiếp, hãy trực tiếp nói chuyện với nhau dù chỉ là những câu nói ngắn hay những chuyện nhỏ nhất.

Đề 2:

Câu 1:

+ Theo tác giả tiếng nói của con người có vai trò dùng để thổ lộ, để giải đáp, để xoa dịu.

Câu 2:

+ Thành phần biệt lập trong câu là: Thành phần tình thái “Và chắc chắn”.

Câu 3:

+ Qua đoạn trích em rút ra được bài học đó là công nghệ chỉ là phương tiện giúp kết nối chúng ta nhưng đừng quá phụ thuộc vào nó. Chúng ta là con người có ngôn ngữ để giao tiếp, hãy trực tiếp nói chuyện với nhau dù chỉ là những câu chuyện ngắn hay những điều nhỏ nhất.

Phần II Làm văn

Câu 1

Mở đoạn:

- Giới thiệu chung về mạng xã hội và tầm quan trọng của nó trong cuộc sống hiện đại
- Nêu vấn đề: Sự phụ thuộc quá mức vào mạng xã hội của giới trẻ hiện nay và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống và tương lai của họ.

Thân đoạn:

* Giải thích: Lạm dụng và mạng xã hội là gì?

- Lạm dụng là việc sử dụng quá mức, nhiều và bị phụ thuộc.

- Mạng xã hội là một ứng dụng mà con người có thể chia sẻ những điều bản thân mình thích ảnh bản thân hoặc gia đình mình lên đó. Có thể xem bài của người khác thích hoặc bình luận vào đó.

-) Việc lạm dụng mạng xã hội là việc con người quá say mê phụ thuộc vào ứng dụng này. Đặc biệt tình trạng này đang xảy ra rất nhiều ở lứa tuổi học sinh khi các em đã có điện thoại từ rất sớm và lúc nào cũng nhìn vào đó.

* Ưu điểm của sử dụng mạng xã hội

- Cung cấp kênh thông tin và giao tiếp tiện lợi và nhanh chóng giữa các bạn học sinh với nhau. Hoặc khi có thông báo gì các thầy cô giáo cũng sẽ thông báo trên đó học sinh nắm bắt được rất nhanh mà không phải đến tận nhà.
- Giúp kết nối và tìm kiếm thông tin về đề thi học tập rất nhanh chóng.
- Giúp truyền tải thông điệp, kêu gọi hỗ trợ cho các hoạt động cộng đồng và từ thiện rất hiệu quả.

* Những hạn chế và bất lợi của sử dụng mạng xã hội

- Gây phụ thuộc quá mức vào mạng xã hội, làm mất thời gian và làm giảm năng suất công việc, học tập, sinh hoạt của giới trẻ.
- Tiềm ẩn những nguy cơ, rủi ro về an ninh thông tin, tình trạng đánh cắp dữ liệu và xâm nhập quyền riêng tư.
- Gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần, ảnh hưởng đến quan hệ gia đình, bạn bè và xã hội nói chung.

- Các bạn học sinh dần dần sẽ quen với việc nhắn tin bình luận trên mạng xã hội và rất ngại giao tiếp trực tiếp khiến mối quan hệ xã hội giữa học sinh với nhau và với gia đình ngày càng xa cách nhau hơn.

*** Biện pháp**

- + Chúng ta phải hiểu rõ về tác hại của việc lạm dụng mạng xã hội.
- + Chỉ sử dụng mạng xã hội đúng mục đích và vừa đủ.
- + Không ham mê quá mức thay vào đó hãy bỏ điện thoại xuống và tìm đến bạn bè thầy cô và gia đình nói chuyện chia sẻ những câu chuyện một cách trực tiếp.
- + Khi người khác nói chuyện hãy chú ý lắng nghe và phản hồi để chia sẻ niềm vui hoặc an ủi nỗi buồn.

Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ bản thân mình.

Câu 2:

Mở bài:

Nguyễn Duy thuộc thế hệ làm thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Vừa mới xuất hiện, Nguyễn Duy đã nổi tiếng với bài thơ “*Tre Việt Nam*”. Bài “*Hơi ẩm ổ rơm*” của anh đã từng đoạt giải thưởng báo Văn Nghệ. Hiện nay, Nguyễn Duy vẫn tiếp tục sáng tác. Anh viết đều và khỏe. “*Ánh trăng*” là một trong những bài thơ của anh được nhiều người ưa thích bởi tình cảm chân thành, sâu sắc, tứ thơ bất ngờ mới lạ.

Thân bài:

*** Nội dung**

- + Nếu như ở hai khổ thơ đầu tác giả nhắc đến những kỉ niệm đẹp: cộng khổ. Ấy thế mà có những thời gian tác giả tự thú là mình đã lãng quên cái “vầng trăng tình nghĩa” ấy:

“Tù hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.”

Trước đây, tác giả sống với sông, với bể, với rừng, bây giờ môi trường sống đã thay đổi. Tác giả về sống với thành phố. Đời sống cũng thay đổi theo, “quen ánh điện”, “cửa gương”. “Ánh điện”, “cửa gương” tượng trưng cho cuộc sống sung túc, đầy đủ sang trọng... dần dần “cái vàng trắng tình nghĩa” ngày nào bị tác giả lãng quên. “Vàng trắng” ở đây tượng trưng cho những tháng năm gian khổ. Đó là tình bạn, tình đồng chí được hình thành từ những năm tháng gian khổ ấy. “Trắng” bây giờ thành “người dung”. Con người ta thường hay đổi thay như vậy. Bởi thế người đời vẫn thường nhắc nhau: “ngọt bùi nhớ lúc đắng cay”. Ở thành phố vì quen với “ánh điện, cửa gương”, quen với cuộc sống đầy đủ tiện nghi nên người đời không thêm để ý đến “vàng trắng” từng là bạn tri kỉ một thời.

Phải đến lúc toàn thành phố mất điện:

“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn đình tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn.”

+ “Vàng trắng” xuất hiện thật bất ngờ, khoảnh khắc ấy, phút giây ấy,... tác giả, bàng hoàng trước vẻ đẹp kì diệu của vàng trắng. Bao nhiêu kỉ niệm xưa bỗng ùa về làm tác giả cứ “rưng rưng” nước mắt:

“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông, là rừng”.

Nguyễn Duy gặp lại ánh trăng như gặp lại người bạn tuổi thơ, như gặp lại người bạn từng sát cánh bên nhau trong những tháng năm gian khổ. Tác giả không giấu được niềm xúc động mãnh liệt của mình. “Vàng trắng” nhắc nhở tác giả đừng bao giờ quên những tháng năm gian khổ ấy, đừng bao giờ quên tình bạn, tình đồng chí đồng đội, những người đã từng đồng cam cộng khổ. chia ngọt sẻ bùi trong những tháng năm chiến đấu đầy gian lao thử thách.

+ Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về “vàng trắng tình nghĩa” một thời:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình... ”

Trăng vẫn thủy chung mặc cho ai thay đổi, vô tình với trăng. Trăng bao dung và độ lượng biết bao! Tấm lòng bao dung độ lượng ấy "đủ cho ta giật mình" mặc dù trăng không một lời trách cứ. Trăng tượng trưng cho phẩm chất cao quý của nhân dân, trăng tượng trưng cho vẻ đẹp bền vững của tình bạn, tình chiến đấu trong những tháng năm “không thể nào quên”.

* Nghệ thuật

+ Biện pháp nhân hóa được sử dụng tài tình; hình ảnh thơ gợi cảm, có tính chất biểu tượng; giọng thơ vừa tâm tình vừa suy tư, trầm lắng, góp phần tạo nên chiều sâu triết lí cho bài thơ.

Kết bài:

“Ánh trăng” của Nguyễn Duy gây được nhiều xúc động đối với nhiều thế hệ độc giả bởi cách diễn tả bình dị như những lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc nhở chân thành. Giọng thơ trầm tĩnh, sâu lắng. Tứ thơ bất ngờ, mới lạ. “Ánh trăng” còn mang ý nghĩa triết lí về sự thủy chung khiến người đọc phải “giật mình” suy nghĩ, nhìn lại chính mình để sống đẹp hơn, nghĩa tình hơn.